TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Huề;
2. Bà Nguyễn Thị Thiên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Bích Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 27-6-2023 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn M, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.
+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 15 tháng 02 năm 2012. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi cọ, anh H thường đi làm ăn xa, thi thoảng mới về không có thời gian quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung Nguyễn Trần E, sinh ngày 21/9/2012 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/5/2015. Chị T và anh H thống nhất thoả thuận chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu E và anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Q. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn quá trình chung sống của vợ chồng như chị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn theo anh H vợ chồng anh chung sống thỉnh thoảng có xảy ra xô xát, cãi cọ, trước đây anh có bị bạn bè rủ rê lôi kéo anh có chơi bời nhưng đến nay anh đã thay đổi, không còn chơi bời nữa. Tôi và chị T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6 năm 2023 đến nay chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung Nguyễn Trần E, sinh ngày 21/9/2012 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/5/2015. Tại bản tự khai và tại các buổi hoà giải anh H và chị T đã thống nhất thoả thuận giao chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu E và anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Q. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần E, sinh ngày 21/9/2012 và giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/5/2015. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị T, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 15 tháng 02 năm 2012. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị T và anh H tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh H cho rằng bản thân có bị bạn bè rủ rê lôi kéo vướng vào tệ nạn xã hội, nhưng đã sửa chữa, thay đổi, chị T cho rằng anh H vẫn chưa thay đổi được và thiếu tin tưởng đối với anh H. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị T chuyển về nhà Bố Mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh H. Anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án anh H và chị T không cải thiện được tình cảm vợ chồng, chị T vẫn cương quyết ly hôn anh H. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung Nguyễn Trần E, sinh ngày 21/9/2012 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/5/2015. Ly hôn chị T và anh H thống nhất thoả thuận chị T trực tiếp nuôi con chung là cháu E và anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Q và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T và anh H là chính đáng và cũng là phù hợp nguyện vọng của cháu E muốn ở với Mẹ và cháu Q muốn được ở với Bố. Anh H, chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thoả thuận này của chị T và anh H.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận

[7] Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H. Giao chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Trần E, sinh ngày 21/9/2012 đến khi cháu E đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và giao anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 23/5/2015 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001758 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- UBND xã Y;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

Nguyễn Thị Hương